**Chi tiết thủ tục hành chính**

**Mã thủ tục:** 1.003658.000.00.00.H25

**Số quyết định:** 1362/QĐ-UBND

**Tên thủ tục:** Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa

**Cấp thực hiện:** Cấp Tỉnh

**Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Đường thủy nội địa

**Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Người khai thác quản lý bến có nhu cầu công bố lại hoạt động bến thủy nội địa nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

Bến thủy nội địa phải được công bố lại hoạt động trong các trường hợp sau:

+ Thay đổi quy mô, công năng của bến thủy nội địa; + Thay đổi vùng đất, vùng nước của bến thủy nội địa; + Thay đổi chủ bến thủy nội địa.

**b) Giải quyết TTHC:**

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố lại hoạt động bến thủy nội địa; - Trường hợp thay đổi chủ bến thì chủ mới của bến phải đề nghị công bố lại hoạt động bến thủy nội địa trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận bến thủy nội địa.

**Cách thức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức nộp** | **Thời hạn giải quyết** | **Phí, lệ phí** | **Mô tả** |
| Trực tiếp | 2 Ngày làm việc | Phí : 100000 Đồng (100.000 đồng/lần.) | Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. |
| Trực tuyến | 2 Ngày làm việc | Phí : 100000 Đồng (100.000 đồng/lần.) | Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. |
| Dịch vụ bưu chính | 2 Ngày làm việc | Phí : 100000 Đồng (100.000 đồng/lần.) | Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. |

**Thành phần hồ sơ:**

**Hồ sơ đề nghị công bố hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| - Đơn đề nghị công bố lại hoạt động cảng, bến thủy nội địa theo mẫu; | 18.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi vùng đất, vùng nước (đối với trường hợp Thay đổi vùng đất, vùng nước của bến thủy nội địa); |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |
| - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu các văn bản chứng minh việc thay đổi chủ cảng, bến (đối với trường hợp Thay đổi chủ bến thủy nội địa). |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |

**Hồ sơ đối với phần thay đổi kết cấu công trình của bến thủy nội địa:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| - Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật của chủ đầu tư (đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng) hoặc phương án khai thác bến thủy nội địa; |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |
| - Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng, mặt cắt ngang công trình đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm cầu bến hoặc bến phao). |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |

**Đối tượng thực hiện:** Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã

**Cơ quan thực hiện:** Sở Giao thông vận tải

**Cơ quan có thẩm quyền:** Sở Giao thông vận tải

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Sở Giao thông vận tải

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Quyết định công bố lại hoạt động bến thủy nội địa.

**Căn cứ pháp lý:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số ký hiệu** | **Trích yếu** | **Ngày ban hành** | **Cơ quan ban hành** |
| 08/2021/NĐ-CP | Nghị định 08/2021/NĐ-CP | 28-01-2021 |  |
| 198/2016/TT-BTC | Thông tư 198/2016/TT-BTC | 08-11-2016 |  |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** Không có thông tin

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin